

Số: /2024/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 tháng 2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2283/TTr-SXD ngày 15 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- TT tin học và Công báo;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Đ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chương

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định một số nội dung về việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và lấy ý kiến về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quy định viết tắt, giải thích từ ngữ

1. Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch nông thôn viết tắt chung là QH.

2. Quy hoạch tỉnh viết tắt là QHT.

3. Quy hoạch xây dựng vùng gọi tắt là quy hoạch vùng, viết tắt là QHV.

4. Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật gọi tắt là quy hoạch chuyên ngành hạ tầng, viết tắt là QH.CNHT.

5. Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng gọi tắt là quy hoạch chung, viết tắt là QHC.

6. Quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu xây dựng gọi tắt là quy hoạch phân khu, viết tắt là QHPK.

7. Quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch chi tiết xây dựng gọi tắt là quy hoạch chi tiết, viết tắt là QHCT.

8. Quy hoạch xây dựng nông thôn, gọi tắt là quy hoạch nông thôn, viết tắt là QHXD.NT, bao gồm: QHC xây dựng xã và quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn.

9. Quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn gọi tắt là (quy hoạch tổng mặt bằng).

10. Thiết kế đô thị viết tắt là TKĐT.
11. Đầu tư xây dựng viết tắt là ĐTXD.
12. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị và nông thôn gọi tắt là quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc, viết tắt là quy chế QL.QHKT.
13. Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND, Hội đồng nhân dân viết tắt là HĐND.
14. Các phòng Kinh tế và hạ tầng, phòng Quản lý đô thị gọi chung là phòng quản lý xây dựng cấp huyện, viết tắt là phòng QLXD cấp huyện.
15. UBND huyện, thành phố gọi chung là UBND cấp huyện.
16. UBND xã, phường, thị trấn gọi chung là UBND cấp xã.
17. Quản lý trật tự xây dựng là việc các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra sự tuân thủ QHXD, TKĐT, giấy phép xây dựng, hồ sơ thiết kế được duyệt đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng theo quy định.
18. Khu vực có ý nghĩa quan trọng là các đồ án QHPK tại các khu vực trung tâm của thành phố hoặc trung tâm của khu chức năng được xác định cụ thể trong QHC và nằm trong danh mục đồ án có ý nghĩa quan trọng, được UBND tỉnh xác định khi phê duyệt “kế hoạch lập quy hoạch” nêu tại Điểm a, Khoản 1, Điều 5 Quy định này.
19. Khu chức năng: Khu chức năng bao gồm khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao.

Điều 3: Nguyên tắc chung

1. Các quy định về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đảm bảo thống nhất trong trình tự thực hiện gắn với trách nhiệm và thẩm quyền từ bước xây dựng danh mục, kế hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt, quyết toán và lưu trữ hồ sơ.
2. Việc quản lý kinh phí phục vụ rà soát quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng có giá trị từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; quy hoạch rút gọn (quy hoạch tổng mặt bằng) trên địa bàn tỉnh Hòa Bình phải tuân thủ quy định của pháp luật, các quy hoạch cấp trên được cấp thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu quản lý của tỉnh.
4. Đối với các công trình thuộc danh mục bí mật nhà nước việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về QH

1. Trách nhiệm của các cấp

a) UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về QH trong phạm vi địa giới hành chính tỉnh theo phân cấp của Chính phủ.

b) Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về QH.

c) Phòng QLXD cấp huyện là cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về QH, trật tự xây dựng trong địa giới hành chính do mình quản lý.

d) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về QH trong các khu công nghiệp.

2. Trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, ngành và cơ quan liên quan

a) Công tác quản lý QH phải được phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, có hệ thống, đảm bảo hiệu quả giữa UBND các cấp, giữa cơ quan chuyên môn cấp dưới với cơ quan chuyên môn cấp trên, giữa các cơ quan chuyên môn cùng cấp.

b) Sở Xây dựng và các Sở ngành liên quan

Có trách nhiệm thống nhất, phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về các dự án đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với QH, quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt; có trách nhiệm phối hợp thực hiện thẩm định, đối với các nhiệm vụ và đồ án trước khi trình phê duyệt, phối hợp theo dõi việc thực hiện triển khai theo quy hoạch, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1:

TỔ CHỨC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 5. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, lưu trữ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch; quy hoạch tổng mặt bằng

1. Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng nguồn vốn ngân sách:

a) Xây dựng kế hoạch: Lập, phê duyệt danh mục, kế hoạch lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng thực hiện theo nhu cầu thực tiễn và yêu cầu quản lý của tỉnh.

b) Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng.

c) Lựa chọn đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch.

- d) Lập nhiệm vụ quy hoạch.
- e) Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.
- g) Lựa chọn đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng.
- h) Lập đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng.
- i) Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng.
- k) Công bố công khai đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng.
- l) Lưu trữ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng.

2. Các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết; quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 6. Xây dựng danh mục, kế hoạch lập đồ án quy hoạch, ghi kế hoạch vốn

1. Đối với đồ án quy hoạch thuộc trách nhiệm tổ chức lập của UBND tỉnh: Các cơ quan, đơn vị được giao giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về các lĩnh vực quy hoạch trên địa bàn tỉnh rà soát, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục, kế hoạch lập quy hoạch trong 5 năm và hàng năm, giao đơn vị tổ chức thực hiện (hoặc điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch lập quy hoạch).

2. Đối với đồ án quy hoạch thuộc trách nhiệm tổ chức lập của UBND cấp huyện, cấp xã: Căn cứ các quy định hiện hành, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND cấp huyện xây dựng danh mục, kế hoạch thực hiện trong 5 năm và hàng năm bằng nguồn vốn ngân sách cấp huyện; lấy ý kiến của Sở Xây dựng trước khi ban hành quyết định phê duyệt danh mục kế hoạch (hoặc điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch lập quy hoạch).

3. Ghi kế hoạch vốn đối với nguồn vốn chi thường xuyên: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan và Thông tư số 32/2023/TT-BTC ngày 29/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn việc sử dụng kinh phí thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn viện trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch.

4. Ghi kế hoạch vốn đối với nguồn vốn đầu tư công: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch

1. Đối với nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thuộc trách nhiệm tổ chức lập của UBND tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Xây dựng tổ chức lập:

a) Nhiệm vụ và đồ án QHC đô thị mới.

b) Nhiệm vụ, đồ án QHPK đô thị đối với khu vực có liên quan địa giới hành chính hai huyện trở lên; khu vực trong đô thị mới và khu vực có ý nghĩa quan trọng (quy định tại Khoản 18 Điều 2 quy định này).

c) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đô thị đối với các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng của tỉnh, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này.

d) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện.

e) Nhiệm vụ, đồ án QHC xây dựng khu chức năng; QHPK xây dựng khu chức năng có phạm vi liên quan liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này và các QHC khu chức năng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính Phủ.

g) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng có phạm vi liên quan liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 5 Điều này.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tổ chức lập:

a) Nhiệm vụ (đối với trường hợp phải lập nhiệm vụ), đồ án QHC xây dựng khu công nghiệp, đồ án QHPK xây dựng khu công nghiệp được UBND tỉnh Ủy quyền lập quy hoạch.

b) Nhiệm vụ (đối với trường hợp cần thiết lập quy hoạch chi tiết), đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc quy hoạch tổng mặt bằng theo hình thức rút gọn trong khu công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt QHPK.

3. UBND cấp huyện tổ chức lập:

a) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện;

b) Nhiệm vụ, đồ án QHC thị trấn;

c) Nhiệm vụ, đồ án QHPK đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

d) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đô thị các khu vực trong phạm vi địa giới hành chính được giao quản lý, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này.

e) UBND tỉnh ủy quyền cho UBND cấp huyện lập Nhiệm vụ, QHPK xây dựng khu chức năng đối với các đồ án được UBND tỉnh giao thuộc phạm vi địa giới hành chính do UBND cấp huyện quản lý, không bao gồm các khu vực có ý nghĩa quan trọng được nêu tại Khoản 18 Điều 2 quy định này.

g) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng trong phạm vi địa giới hành chính được giao quản lý, trừ trường hợp quy định tại tại khoản 2 và Khoản 5 Điều này.

h) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thuộc trách nhiệm tổ chức lập của UBND tỉnh khi được giao.

k) Chỉ đạo các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện phối hợp với UBND xã thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 5 Điều này.

4. UBND xã chủ trì tổ chức việc lập:

Nhiệm vụ, đồ án QHC xây dựng xã; Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn (bao gồm cả quy hoạch chi tiết trung tâm xã, quy hoạch các khu chức năng khác trong địa bàn xã).

5. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tổ chức lập: Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết khu vực được giao đầu tư.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhà đầu tư đã được lựa chọn thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp tổ chức lập QHPK xây dựng khu công nghiệp (nếu cần) tại khu vực đã có QHC xây dựng khu công nghiệp theo quy định tại Khoản 8 Điều 7, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

Điều 8. Trách nhiệm thẩm định, trình phê duyệt

1. Trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch:

a) Sở Xây dựng thẩm định: Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

b) Phòng QLXD thuộc UBND cấp huyện thẩm định: Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

2. Trách nhiệm trình phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt: Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thuộc trách nhiệm tổ chức lập của UBND tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 7 của quy định này.

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp trình UBND tỉnh phê duyệt: Nhiệm vụ, đồ án QHC xây dựng khu công nghiệp (nếu có), QHPK xây dựng khu công nghiệp.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh quyết định việc điều chỉnh cục bộ QHPK xây dựng khu công nghiệp; quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên theo Khoản 11, Điều 7, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

d) UBND cấp huyện trình UBND tỉnh phê duyệt: Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh (Theo quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 25, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ).

e) Phòng QLXD trình UBND cấp huyện phê duyệt: Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

g) UBND cấp xã trình UBND cấp huyện phê duyệt: Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch

1. UBND tỉnh phê duyệt:

a) Nhiệm vụ, đồ án QHC đô thị, QHC khu chức năng (Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị).

b) Nhiệm vụ, đồ án QHPK đô thị mới, đồ án QHPK khu chức năng (nằm trong QHC khu chức năng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

c) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đối với các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên và khu vực có ý nghĩa quan trọng của tỉnh (Quy định tại Khoản 18 Điều 2 quy định này).

d) Nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh phê duyệt:

Điều chỉnh cục bộ QHPK xây dựng khu công nghiệp; quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên (Ban Quản lý các khu công nghiệp lấy ý kiến Sở Xây dựng bằng văn bản trước khi phê duyệt).

3. UBND cấp huyện phê duyệt (Trong phạm vi địa giới hành chính được giao quản lý):

a) Nhiệm vụ, đồ án QHC xã, QHPK xây dựng, QHCT xây dựng (đô thị, nông thôn, khu chức năng) trong phạm vi địa giới hành chính được giao quản lý trừ trường hợp quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 điều này.

b) UBND huyện có trách nhiệm lấy ý kiến Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan bằng văn bản trước khi phê duyệt.

c) UBND cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng khi được UBND tỉnh ủy quyền theo Khoản 1, Điều 164 Luật Xây dựng được sửa đổi bởi Điểm a Khoản 63 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

4. UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo khoản 6 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị, khoản 4 Điều 34 Luật Xây dựng.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng trong khu vực phát triển đô thị, khu chức năng.

1. Quy hoạch tổng mặt bằng trong khu vực phát triển đô thị có liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên; khu vực có ý nghĩa quan trọng (quy định tại Khoản 18 Điều 2 quy định này); Quy hoạch tổng mặt bằng trong khu chức năng có liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên, khu đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật cấp đô thị, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 điều này:

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức lập: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

c) Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh.

2. Quy hoạch tổng mặt bằng dự án do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư hoặc dự án sử dụng vốn ngân sách của địa phương; dự án thuộc địa giới hành

chính 01 huyện, thị xã trong khu vực phát triển đô thị, khu chức năng trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, 3 điều này:

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức lập: UBND cấp huyện hoặc đơn vị được giao chủ đầu tư thực hiện dự án.

b) Cơ quan thẩm định: Phòng QLXD cấp huyện.

c) Cơ quan phê duyệt: UBND cấp huyện.

d) UBND cấp huyện lấy ý kiến Sở Xây dựng bằng văn bản trước khi phê duyệt.

3. Quy hoạch tổng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp.

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức lập: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

b) Cơ quan thẩm định, phê duyệt: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

c) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh xin ý kiến Sở Xây dựng bằng văn bản trước khi phê duyệt.

Điều 11. Rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng

1. Thời hạn, trách nhiệm rà soát, thẩm quyền xem xét, quyết định kết quả rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng:

a) Thời hạn rà soát định kỳ đối với quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 46 Luật Quy hoạch đô thị và Khoản 1 Điều 15 Luật Xây dựng.

b) UBND cấp xã có trách nhiệm rà soát quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng trên địa bàn do mình quản lý thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện, lập hồ sơ báo cáo kết quả rà soát trình UBND cấp huyện xem xét quyết định việc điều chỉnh quy hoạch.

c) UBND cấp huyện có trách nhiệm rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn do mình quản lý thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh, lập hồ sơ báo cáo kết quả rà soát gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định việc điều chỉnh quy hoạch.

d) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm rà soát quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình theo phân cấp hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định việc điều chỉnh quy hoạch.

e) Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, lập hồ sơ báo cáo kết quả rà soát báo cáo UBND tỉnh, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc điều chỉnh quy hoạch.

2. Việc rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng đến hạn theo quy định được tiến hành hàng năm; Sở Xây dựng có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp trên địa bàn toàn tỉnh; hồ sơ báo cáo rà soát phải được gửi về phòng QLXD

(đối với thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện); Sở Xây dựng (đối với thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh) trước ngày 30 tháng 6 hàng năm để tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định.

Điều 12. Điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng mặt bằng.

1. Điều chỉnh nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng.

a) Việc điều chỉnh nhiệm vụ, đồ án quy hoạch phải đảm bảo các điều kiện điều chỉnh và thực hiện theo nguyên tắc cấp nào phê duyệt thì cấp đó xem xét, quyết định việc điều chỉnh và chấp thuận chủ trương điều chỉnh. Điều chỉnh quy hoạch đô thị thực hiện theo Điều 47, 48, 49, 50, 51 và Điều 52 của Luật Quy hoạch đô thị; Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch xây dựng nông thôn thực hiện theo Điều 35, 36, 37, 38 và Điều 39 của Luật Xây dựng và quy định có liên quan.

b) Việc điều chỉnh tổng thể quy hoạch được tiến hành theo quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng theo Điều 7, 8 của Quy định này.

c) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị;

d) Điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Xây dựng.

e) Việc điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng phải đảm bảo các điều kiện điều chỉnh như đối với quy hoạch chi tiết xây dựng (đô thị, nông thôn, khu chức năng); quy trình thực hiện, trách nhiệm lập, thẩm định và thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, thực hiện theo quy định như đối với quy hoạch chi tiết xây dựng (đô thị, nông thôn, khu chức năng).

Mục 2

LẤY Ý KIẾN VỀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ, QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 13. Hội đồng thẩm định quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

1. Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh, do UBND tỉnh quyết định thành lập (gọi tắt là Hội đồng thẩm định quy hoạch), Sở Xây dựng là cơ quan thường trực của Hội đồng.

2. Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện, UBND cấp huyện quyết định thành lập; Phòng QLXD là cơ quan thường trực Hội đồng.

3. Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan theo quyết định của cơ quan thành lập.

4. Chức năng, nhiệm vụ của các Hội đồng được xác định trong Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động của Hội đồng.

Điều 14. Quy định về tổ chức lấy ý kiến về nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng.

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức lập (nhiệm vụ, quy hoạch; quy hoạch tổng mặt bằng) chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã, đơn vị tư vấn tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan; UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp tổ chức việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư, phối hợp với đại diện cộng đồng dân cư để tổng hợp ý kiến theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

2. Đại diện cộng đồng dân cư là người đại diện hợp pháp của cộng đồng dân cư để tập hợp các ý kiến của người dân trong khu vực và làm việc với cơ quan chức năng tổ chức việc xin ý kiến gồm: Tổ trưởng, tổ phó dân phố; trưởng, phó thôn, làng...; trưởng các tổ chức đoàn thể: Mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ, đoàn thanh niên... các cấp có liên quan trong khu vực được lấy ý kiến.

3. Các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan bằng văn bản hoặc góp ý kiến trực tiếp phải được cơ quan, đơn vị tổ chức lập (nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng) tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu và báo cáo cấp thẩm quyền xem xét trước khi quyết định phê duyệt theo thẩm quyền.

4. Nội dung lấy ý kiến là toàn bộ nội dung nghiên cứu được thể hiện thông qua thuyết minh và hồ sơ bản vẽ kèm theo.

5. Việc lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, hoặc góp ý kiến trực tiếp bằng phiếu tham gia ý kiến theo đề nghị của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

6. Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng liên huyện, vùng huyện, QHC đô thị, QHC xây dựng khu chức năng được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

7. Việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án QHPK và quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, QHC xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn, được thực hiện bằng phiếu góp ý thông qua hình thức trưng bày công khai kết hợp giới thiệu trên phương tiện thông tin đại chúng.

8. Thời gian lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 của Luật Quy hoạch đô thị và Khoản 4 Điều 17 Luật Xây dựng, thời gian lấy ý kiến đối với quy hoạch tổng mặt bằng thực hiện như đối với quy hoạch chi tiết đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng.

Mục 3

QUẢN LÝ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Điều 15. Công bố đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng

1. Việc tổ chức công bố đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng theo quy định tại Điều 40, 41 và 42 Luật Xây dựng; Điều 53, 54 Luật Quy hoạch đô thị.

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng có trách nhiệm tổ chức công bố công khai trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Trách nhiệm đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm đăng tải công khai đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng trên Cổng thông tin điện tử do mình quản lý.

b) Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh các đồ án QHC, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, QHPK, quy hoạch vùng huyện; Đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng, đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

c) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của mình các đồ án quy hoạch xây dựng được giao quản lý.

d) UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của mình các đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng có liên quan trên địa bàn quản lý thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

Điều 16. Bàn giao và lưu trữ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng có trách nhiệm bàn giao hồ sơ sau khi được phê duyệt, dưới dạng giấy và số gồm bản scan hồ sơ đã phát hành được định dạng PDF (có dấu của cơ quan tư vấn; cơ quan lập; thẩm định; cơ quan phê duyệt, cơ quan xin ý kiến (nếu có) và các văn bản pháp lý scan); Kèm theo dữ liệu được định dạng theo các phần mềm được sử dụng để lập hồ sơ, phục vụ số hóa lưu trữ hồ sơ, cung cấp cho các cơ quan lưu trữ hồ sơ, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Cơ quan, tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng có trách nhiệm thực hiện lưu trữ hồ sơ được phê duyệt theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

Điều 17. Cung cấp thông tin quy hoạch

1. Sở Xây dựng; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Phòng QLXD thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và cung cấp các thông tin quy hoạch theo đồ án quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điều 55 Luật Quy hoạch đô thị, Điều 43 Luật Xây dựng và theo quy định về thủ tục hành chính của UBND tỉnh (trừ trường hợp thông tin thuộc bí mật nhà nước).

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch tại các khu đất theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức.

3. Phòng QLXD thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch tại các khu đất theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch tại các khu đất theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức trong các khu công nghiệp được giao quản lý.

Mục 4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Phân công trách nhiệm

1. Sở Xây dựng:

a) Đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh quản lý về quy hoạch trên địa bàn tỉnh; quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Hướng dẫn, phổ biến về chuyên môn, nghiệp vụ cho Phòng QLXD thuộc UBND cấp huyện, Phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các đơn vị, cá nhân các nội dung có liên quan đến quy định này.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch và ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác sử dụng chung.

d) Ban Quản lý các đồ án Quy hoạch Xây dựng đại diện cho Sở Xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thuộc trách nhiệm tổ chức lập của UBND tỉnh giao Sở Xây dựng thực hiện.

2. UBND cấp huyện:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý quy hoạch theo thẩm quyền trên địa bàn quản lý.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ và các Sở, ngành có liên quan trong việc rà soát cán bộ chuyên môn lĩnh vực quy hoạch kiến trúc; có kế hoạch kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế Phòng QLXD cấp huyện theo quy định về khung năng lực vị trí việc làm các cơ quan hành chính của UBND tỉnh, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo trách nhiệm và thẩm quyền; Trường hợp phòng QLXD không đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ (nếu có), UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

c) Hướng dẫn và phổ biến cho UBND cấp xã và các đơn vị, cá nhân có liên quan về chuyên môn, nghiệp vụ các nội dung có liên quan đến quy định này;

d) Phối hợp với Sở Xây dựng xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch và ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác sử dụng chung.

e) Tổ chức việc kiểm tra, giám sát việc triển khai đầu tư xây dựng trên địa bàn, đảm bảo phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, xem xét xử lý theo thẩm quyền, báo cáo cấp thẩm quyền các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực quy hoạch;

f) Phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng và các Sở, ngành có liên quan lập kế hoạch, triển khai thực hiện việc thanh tra, kiểm tra khi có yêu cầu.

3. Các Sở, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, thỏa thuận các nội dung có liên quan theo chuyên ngành quản lý phục vụ việc quản lý quy hoạch và kiến trúc theo quy định của pháp luật; tham gia Hội đồng thẩm định theo quyết định thành lập của UBND tỉnh; có trách nhiệm phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức bộ máy các Sở, ban, ngành, UBND các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền theo quy định hiện hành của pháp luật và của UBND tỉnh; Hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo quy định;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong công tác lựa chọn nhà thầu theo quy định.

c) Sở Tài chính căn cứ khả năng ngân sách, phối hợp với các đơn vị có liên quan, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên cho công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch theo quy định.

d) Công an tỉnh hướng dẫn, cung cấp thông tin, giải quyết các thủ tục thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với đồ án quy hoạch, quy hoạch tổng mặt bằng theo quy định.

e) Các cơ quan truyền thông của tỉnh có trách nhiệm đăng tải các thông tin quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định về công bố, công khai.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý quy hoạch theo thẩm quyền trong các khu công nghiệp.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ và các Sở, ban, ngành có liên quan trong việc rà soát cán bộ chuyên môn lĩnh vực quy hoạch kiến trúc; có kế hoạch tổ chức, kiện toàn cán bộ công chức, viên chức và trang thiết bị chuyên môn theo quy định của pháp luật, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền;

c) Hướng dẫn và phổ biến cho các đơn vị, cá nhân có liên quan về chuyên môn, nghiệp vụ các nội dung có liên quan đến quy định này;

d) Phối hợp với Sở Xây dựng xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch và ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác sử dụng chung.

đ) Tổ chức việc kiểm tra, giám sát việc triển khai đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp, đảm bảo phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, xem xét xử lý theo thẩm quyền, báo cáo cấp thẩm quyền các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực quy hoạch;

e) Phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng và các Sở, ngành có liên quan lập kế hoạch, triển khai thực hiện việc thanh tra, kiểm tra khi có yêu cầu.

5. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng khu vực được giao đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện dự án, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính, đất đai, chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra theo quy định hiện hành. Thực hiện quản lý tài chính, thanh quyết toán chi phí theo quy định.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp và thi hành

1. Đối với các hồ sơ nhiệm vụ, đồ án đã hoàn thành công tác thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định trước đây và theo chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Xây dựng, xem xét với trường hợp cụ thể.

2. Đối với các hồ sơ nhiệm vụ đã được phê duyệt nhưng đồ án chưa được phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì việc thẩm định, phê duyệt đồ án được thực hiện theo Quy định này.

3. Đối với các hồ sơ nhiệm vụ, đồ án đã được phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành nếu phải lập điều chỉnh nhiệm vụ, đồ án thì được thực hiện theo Quy định này.

4. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp cơ quan Nhà nước cấp trên ban hành văn bản có quy định khác nội dung quy định này, thực hiện theo văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.